

CÔNG TY CP XNK FUTURE BRIGHT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XNK FUTURE BRIGHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XNK FUTURE BRIGHT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109442013

3. Ngày thành lập: 04/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phú Phong, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986473538

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
2.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
3.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5.	Khai thác và thu gom than non (Khai thác theo quy định của pháp luật)	0520
6.	Khai thác quặng sắt Chi tiết: Khai thác quặng không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)	0710
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Khai thác theo quy định của pháp luật)	0810
8.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Khai thác theo quy định của pháp luật)	0899
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
11.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
12.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ	2640
13.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
14.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
15.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920

16.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
17.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
18.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá) Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
19.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
20.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá) Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
23.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm Đại lý đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;	4620
26.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác	4632
27.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722

31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu	4781
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	7214
33.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT	Thôn 7, Xã Kiên Bái, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0310880113 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Thôn 6, Xã Vông Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	70,000	112365022	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	70,000		

3	HOÀNG VĂN YÊN	Thôn 4, Xã Vũ Thắng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	0340860076 41
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031088011317

Ngày cấp: 22/01/2020

Nơi cấp: Cục QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, Xã Kiên Bái, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 305, Khu B1, ngõ 195, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội